

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2024

Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hà.
2. Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Cao Thiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Huân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 121/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp PT, xã P, huyện K, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Có đơn xin vắng mặt”

Bị đơn: Bà Võ Thị Trúc T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố HH, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S và bà Võ Thị Trúc T kết hôn năm 2015, hôn nhân là tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày

21/7/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vấn đề kinh tế của gia đình và vợ chồng không có sự chia sẻ lẫn nhau nên dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không khắc phục được. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên răn nhiều lần nhưng không thành. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay và không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay, ông S nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông S được ly hôn bà T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông S và bà T có 02 con chung là Nguyễn T, sinh ngày 07/01/2016 và Nguyễn Thị T T1, sinh ngày 02/3/2017. Khi ly hôn ông S yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – bà Võ Thị Trúc T vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 121/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải kèm theo giấy triệu tập bà T đến Tòa án để làm việc, nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến về nội dung vụ án. Vì vậy, Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm là chưa chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ông S được ly hôn bà T; về con chung, đề nghị giao các cháu Nguyễn T và Nguyễn Thị T T1 cho ông S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; bà T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bị đơn bà Võ Thị Trúc T có nơi cư trú tại thị trấn N, huyện H, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn,

tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Võ Thị Trúc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia các phiên tòa sơ thẩm, nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. *Về hôn nhân*: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 129, ngày 21/7/2015 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xác định hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn S và bà Võ Thị Trúc T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vấn đề kinh tế trong gia đình dẫn đến bất đồng không khắc phục được. Hai bên đã ly thân từ năm 2018 đến nay không còn phụ thuộc nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay, ông S xác định vợ chồng không thể đoàn tụ sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa ông S và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho ông S được ly hôn bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân ông S và bà T có 02 con chung là Nguyễn T, sinh ngày 07/01/2016 và Nguyễn Thị T T1, sinh ngày 02/3/2017. Xét thấy, hiện nay các con chung đang sống với ông S và có nguyện vọng được sống với ông S khi ông S và bà T ly hôn, vì vậy giao các cháu T và T1 cho ông S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông S không yêu cầu nên bà TT không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản và nợ chung*: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn ông S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn S được ly hôn bà Võ Thị Trúc T.

2. *Về con chung*: Giao các cháu Nguyễn T, sinh ngày 07/01/2016 và Nguyễn Thị T T1, sinh ngày 02/3/2017 cho ông Nguyễn Văn S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Võ Thị Trúc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc các tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004932 ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Nguyễn Văn S đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã P, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Duy